

Số: 119/2025/QĐST-HNGĐ

Sơn Dương, ngày 24 tháng 6 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 177/2025/TLST- HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 104 do Ủy ban nhân dân xã K (nay là thị trấn S), huyện S, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 02/5/1990 cho bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc C xác định có 02 con chung tên là Nguyễn Thị T, sinh ngày 12/8/1990 và Nguyễn Đức H1, sinh ngày 18/12/1995. Hiện nay cả 02 con đã trưởng thành, có khả năng tự lao động, đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không đề nghị Tòa án giải quyết

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N (Đều là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- THADS huyện Sơn Dương;
- UBND thị trấn Sơn Dương (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thị Thùy Trâm